

Bản án số: 131/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 16 – 9 – 2025

“V/v Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 – CÀ MAU

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đệ

Các vị Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Hoàng Bé

Ông Nguyễn Quốc Trung

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Hoàng Vui là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 – Cà Mau.

Ngày 16 tháng 9 năm 2025 tại Tòa án nhân dân khu vực 4 – Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 60/2025/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2025, về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 82/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trương Bé T, sinh năm 1989 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp CN, xã PT, tỉnh Cà Mau

- *Bị đơn:* Ông Trần Hoàng Th, sinh năm 1986 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp HT, xã LTT, tỉnh Cà Mau

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện đề ngày 15 – 7 – 2025, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Trương Bé T trình bày:*

Về hôn nhân: Bà và Ông Trần Hoàng Th kết hôn vào năm 2014 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Lương Thế Trân, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau (Nay là xã Lương Thế Trân, tỉnh Cà Mau). Thời gian đầu kết hôn bà và ông Th chung sống hạnh phúc nhưng đầu năm 2025 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống. Đầu năm 2025 bà có nộp đơn lên Tòa án để yêu cầu ly hôn, sau đó ông Th yêu cầu bà rút đơn về hàn gắn, do đó bà đã rút đơn lại tuy nhiên khi về sống chung vợ chồng tiếp tục phát sinh mâu thuẫn. Nay xét thấy đời sống vợ chồng không còn hạnh phúc mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với Ông Trần Hoàng Th.

Về con chung: Trong quá trình chung sống giữa bà và ông Th có 01 người con chung tên Trần Khánh H, sinh ngày 09/02/2014, hiện con đang sống chung với bà. Sau khi ly hôn bà yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu ông Th cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Đối với Ông Trần Hoàng Th, Tòa án đã tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; triệu tập ông Th để tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm lần thứ hai nhưng ông Th vắng mặt không có lý do.

TÒA ÁN NHẬN ĐỊNH:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp giữa bà Trương Bé T và Ông Trần Hoàng Th là tranh chấp Hôn nhân và gia đình về việc Ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn Ông Trần Hoàng Th có địa chỉ tại Ấp HT, xã LTT, tỉnh Cà Mau nên Tòa án nhân dân khu vực 4 – Cà Mau thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án triệu tập họp lệ Ông Trần Hoàng Th để tham gia phiên tòa sơ thẩm lần thứ hai nhưng ông Th vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án nhân dân khu vực 4 – Cà Mau xét xử vắng mặt đối ông Th theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Bà Trương Bé T và Ông Trần Hoàng Th kết hôn vào năm 2014 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Lương Thế Trân, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau (Nay là xã Lương Thế Trân, tỉnh Cà Mau) nên hôn nhân của bà T và ông Th là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Hội đồng xét xử nhận thấy, bà T yêu cầu ly hôn với ông Th vì cho rằng trong quá trình chung sống giữa bà T và ông Th bất đồng quan điểm sống dẫn đến thường xuyên cãi nhau, bà T và ông Th đã sống ly thân từ đầu năm 2025 cho đến nay. Đối với ông Th đã được Tòa án tổng đạt thông báo về việc bà T yêu cầu ly hôn với ông Th nhưng ông Th không đến Tòa án để tham gia buổi hoà giải, đồng thời cũng không có ý kiến phản đối về yêu cầu ly hôn của bà T, cho thấy ông Th không có thiện chí hàn gắn với bà T. Đầu năm 2025 bà T đã nộp đơn yêu cầu xin ly hôn nhưng sau đó rút lại để vợ chồng đoàn tụ nhưng giữa bà T và ông Th lại tiếp tục phát sinh mâu thuẫn, từ đó cho thấy mâu thuẫn giữa bà T và ông Th đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, bà T yêu cầu ly hôn với ông Th là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Hội đồng xét xử nhận thấy, trong quá trình chung sống giữa bà Trương Bé T và Ông Trần Hoàng Th có 01 người con chung tên Trần Khánh H, sinh ngày 09/02/2014, sau khi ly hôn bà T yêu cầu được tiếp tục nuôi

con. Hội đồng xét xử nhận thấy, tính đến ngày xét xử sơ thẩm cháu Trần Khánh H đã trên 07 tuổi nhưng chưa đủ 18 tuổi, theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình “*Vợ chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con*”. Bà T và ông Th không thỏa thuận về việc nuôi con sau khi ly hôn. Tại biên bản ghi nhận ý kiến đối với cháu Trần Khánh H vào ngày 08/8/2025 thì cháu Huy có nguyện vọng được sống với bà T. Xét thấy, việc cháu Huy muốn sống với bà T là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với yêu cầu của bà T, đồng thời từ khi ly thân cho đến nay bà T là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Huy đã ổn định về tâm lý, ông Th không có ý kiến phản đối về yêu cầu nuôi con của bà T. Do đó, việc bà T yêu cầu được tiếp tục nuôi con sau khi ly hôn là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Trương Bé T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà T xác định, bà T và ông Th không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Đối với ông Th vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, ông Th không có ý kiến gì về tài sản chung và nợ chung. Nếu sau này giữa các bên đương sự có phát sinh tranh chấp về tài sản chung và nợ chung thì có quyền khởi kiện thành vụ kiện khác theo quy định pháp luật.

[6] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà Trương Bé T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28; 35; 39; 147, 227, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 9, 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Về hôn nhân: Chấp nhận cho bà Trương Bé T được ly hôn với Ông Trần Hoàng Th.

[2] Về con chung: Giao con chung tên Trần Khánh H, sinh ngày 09/02/2014 cho bà Trương Bé T tiếp tục nuôi dưỡng.

Ông Th không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[3] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Trương Bé T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), đối trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011853 ngày 15/7/2025 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau bà T đã nộp đủ.

Trường hợp Bản án (Quyết định) được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai bà Trương Bé T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Trần Hoàng Th có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- VKSND khu vực 4 – Cà Mau;
- Phòng THADS khu vực 4 – Cà Mau;
- Đương sự;
- Lưu VP-HS.

Nguyễn Văn Đệ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Hoàng Chiến

Nguyễn Thanh Tùng

Nguyễn Văn Đệ

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÁI NƯỚC
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 09 giờ 30 phút, ngày 20 tháng 02 năm 2025

Tại: Phòng nghị án Tòa án nhân dân huyện Cái Nước

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đệ

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Mâm

Ông Võ Tấn Liêm

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 600/2024/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2024, về việc “Ly hôn” giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị Nga, sinh năm 1984

Địa chỉ cư trú: Ấp Bửu 2, xã Long Điền Đông, huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu.

- *Bị đơn:* Ông Hứa Minh Sang, sinh năm 1980

Địa chỉ cư trú: Ấp Vĩnh Gốc, xã Hưng Mỹ, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:**

- Về Điều luật căn cứ:

Căn cứ các Điều 28; 35; 39; 147, 227, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 9, 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Kết quả biểu quyết: 3/3

- Về nội dung:

Về hôn nhân: Chấp nhận cho bà Nguyễn Thị Nga được ly hôn với ông Hứa Minh Sang.

Về con chung: Giao 02 con chung tên Hứa Phú Vinh, sinh ngày 24/5/2010 và Hứa Phú Quý, sinh ngày 24/6/2012 cho ông Hứa Minh Sang tiếp tục nuôi dưỡng. Bà Nguyễn Thị Nga không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kết quả biểu quyết: 3/3

- Các vấn đề khác:

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Nga phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, đối trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0018786 ngày 23/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái Nước bà Nga đã nộp đủ. Ông Hứa Minh Sang không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trường hợp Bản án (Quyết định) được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai bà Nguyễn Thị Nga và ông Hứa Minh Sang có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Kết quả biểu quyết: 3/3

Nghị án kết thúc vào hồi 10 giờ 00 phút, ngày 20 tháng 02 năm 2025.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Mầm

Võ Tấn Liêm

Nguyễn Văn Đệ